

Số: 14/2026/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội
cho người dân Thủ đô**

(Thực hiện điểm a, b, c, đ, e khoản 1 Điều 17 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 51/2024/QH15;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 76/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 165/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh;

Căn cứ Nghị định số 168/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số.

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân Thủ đô; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-BVHXH ngày 30 tháng 5 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 196/BC-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo số 199/BC-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố tiếp thu, giải trình thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố về các nội dung trình kỳ họp thứ 3 Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XVII; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân Thủ đô.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân Thủ đô, bao gồm:

1. Quy định hỗ trợ từ ngân sách Thành phố để chi trả cho các chi phí khám bệnh, chữa bệnh ngoài phạm vi chi trả của quỹ bảo hiểm y tế (chi tiết tại Phụ lục I kèm theo).
2. Quy định các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh lưu động, từ xa, ứng dụng công nghệ số (chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).
3. Quy định giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện để làm cơ sở thực hiện việc hỗ trợ thanh toán (chi tiết tại Phụ lục III kèm theo).
4. Quy định cơ chế hỗ trợ công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo).
5. Quy định một số chính sách thuộc lĩnh vực trợ giúp xã hội khẩn cấp của thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục V kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo quy định; chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền về chính sách hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân Thủ đô; quá trình triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định, công khai, minh bạch, tránh các tiêu cực có thể xảy ra.
- b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ an sinh xã hội cho người dân Thủ đô. Đảm bảo nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện Nghị quyết hiệu quả, khả thi.
- c) Chỉ đạo tổ chức kiểm tra, giám sát và kịp thời xử lý các vi phạm trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết.
- d) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, Ủy ban nhân dân Thành phố cần kịp thời tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội tuyên truyền, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 61/2025/NQ-HĐND ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện của thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Phụ lục 04 Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, quy định nội dung, mức chi công tác tập trung người lang thang trên địa bàn thành phố Hà Nội hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XVII, nhiệm kỳ 2026-2031, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 02 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa- Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban công tác đại biểu của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Y tế, Tài chính, Tư pháp;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- Cục PLSHC và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ VN TP;
- Các Ban Đảng Thành ủy, Văn phòng Thành ủy;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND TP; UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- Trung tâm TT, DL và CNS Thành phố;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phùng Thị Hồng Hà

Phụ lục I

QUY ĐỊNH HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ ĐỂ CHI TRẢ CHO CÁC CHI PHÍ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH NGOẠI PHẠM VI CHI TRẢ CỦA QUỸ BẢO HIỂM Y TẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



I. Đối tượng áp dụng

1. Người dân thường trú hoặc tạm trú từ 12 tháng trở lên, hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội có độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến đủ 35 tuổi và cận thị từ 3 đi ốp trở lên.
2. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

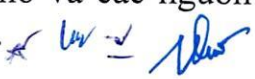
II. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ của mắt (dịch vụ phẫu thuật điều trị tật khúc xạ bằng laser excimer (1 mắt)) khi thực hiện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý.
2. Mức hỗ trợ: Theo mức giá dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền quy định tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý x (nhân) số lượng dịch vụ thực tế phẫu thuật.

III. Phương thức chi trả hỗ trợ

Các đối tượng được hỗ trợ chi phí điều trị tật khúc xạ của mắt tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý không phải thanh toán phần kinh phí tương ứng mức hỗ trợ quy định tại mục 2 phần II phụ lục này. Hàng năm, theo nhiệm vụ chuyên môn được giao, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thanh quyết toán phần kinh phí này từ nguồn ngân sách cấp Thành phố.

IV. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách cấp Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có)./. 

Phụ lục II

QUY ĐỊNH CÁC DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH LƯU ĐỘNG, TỪ XA, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



I. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý.
2. Người sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh lưu động, từ xa, ứng dụng công nghệ số tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý.
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

II. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh từ xa, ứng dụng công nghệ số

STT	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
1	Khám bệnh, kê đơn, theo dõi từ xa cho người bệnh
2	Hội chẩn từ xa
3	Đọc kết quả X-quang từ xa
4	Đọc kết quả chụp cắt lớp vi tính từ xa
5	Đọc kết quả cộng hưởng từ từ xa
6	Đọc kết quả giải phẫu bệnh từ xa

III. Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh lưu động

STT	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
1	Khám bệnh, chỉ định các dịch vụ kỹ thuật và/hoặc kê đơn thuốc cho người bệnh
2	Tư vấn cho người bệnh/người nhà người bệnh về tình trạng bệnh của người bệnh và các nội dung liên quan
3	Ghi điện tim thường
4	Holter điện tâm đồ
5	Holter huyết áp
6	Siêu âm doppler tim
7	Siêu âm doppler mạch máu
8	Siêu âm màng phổi
9	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)
10	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)

[Handwritten signature]

STT	Tên dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh
11	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)
12	Thay băng, cắt chỉ
13	Thay băng
14	Thụt tháo phân
15	Tiêm bắp thịt
16	Tiêm dưới da
17	Tiêm tĩnh mạch
18	Truyền tĩnh mạch
19	Đặt ống thông hậu môn
20	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
21	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
22	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
23	Tập vận động thụ động
24	Tập vận động có trợ giúp
25	Tập vận động có kháng trở
26	Tập các kiểu thở
27	Tập ho có trợ giúp
28	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
29	Kỹ thuật xoa bóp vùng
30	Tập nuốt
31	Điều trị bằng tia hồng ngoại
32	Điều trị bằng các dòng điện xung
33	Điều trị bằng siêu âm
34	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
35	Giác hơi điều trị các chứng đau
36	Điện châm
37	Thuỷ châm
38	Ép tim ngoài lồng ngực
39	Đặt nội khí quản
40	Lấy máu tĩnh mạch tại nhà (để gửi mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm tại Bệnh viện)
41	Lấy nước tiểu tại nhà (để gửi mẫu bệnh phẩm làm xét nghiệm tại Bệnh viện)

Handwritten signature and initials

Phụ lục III

QUY ĐỊNH GIÁ DỊCH VỤ CẤP CỨU NGOẠI VIỆN VÀ TỶ LỆ ĐỒNG CHI TRẢ CỦA NGƯỜI BỆNH KHI SỬ DỤNG DỊCH VỤ CẤP CỨU NGOẠI VIỆN ĐỂ LÀM CƠ SỞ THỰC HIỆN VIỆC HỖ TRỢ THANH TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



I. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý thực hiện dịch vụ cấp cứu ngoại viện.
2. Cơ sở y tế công lập khác (ngoài các cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý), cơ sở y tế tư nhân thực hiện dịch vụ cấp cứu ngoại viện.
3. Người bệnh có nhu cầu sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện theo đúng quy định trên địa bàn Thành phố.
4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.

II. Mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện

STT	TÊN DỊCH VỤ	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
1	Hoạt động thường trực cấp cứu tại các địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị (Khi được yêu cầu)	Chuyến/ngày	1.862.000
2	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách < 5km	Chuyến	978.000
3	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 5 - <10km	Chuyến	1.025.000
4	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 10 - <20km	Chuyến	1.120.000
5	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 20 - <30km	Chuyến	1.215.000
6	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 30 - <50km	Chuyến	1.404.000
7	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 50 - <100km	Chuyến	1.878.000

STT	TÊN DỊCH VỤ	Đơn vị tính	Mức giá (đồng)
8	Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km	Chuyến	2.352.000
9	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách dưới < 5km	Chuyến	978.000
10	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 5 - < 10km	Chuyến	1.025.000
11	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 10 - < 20km	Chuyến	1.120.000
12	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 20 - < 30km	Chuyến	1.215.000
13	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 30 - < 50km	Chuyến	1.404.000
14	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 50 - < 100km	Chuyến	1.878.000
15	Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km	Chuyến	2.352.000
16	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách dưới < 5km	Chuyến	885.000
17	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 5 - < 10km	Chuyến	932.000
18	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 10 - < 20km	Chuyến	1.027.000
19	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 20 - < 30km	Chuyến	1.122.000
20	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 30 - < 50km	Chuyến	1.311.000
21	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 50 - < 100km	Chuyến	1.785.000
22	Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km	Chuyến	2.259.000

Ghi chú: Mức giá hoạt động thường trực cấp cứu tại các địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị (khi được yêu cầu) quy định tại Nghị quyết này là mức giá tính theo chuyến/ngày (8 giờ). Trường hợp, đơn vị thực hiện hoạt động thường trực cấp cứu tại các địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị (khi được yêu cầu) theo giờ thì mức giá được tính theo số giờ thực hiện thực tế, cụ thể, bằng ((mức giá hoạt động thường trực cấp cứu tại các địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị (khi được yêu cầu) quy định tại Nghị quyết này)/8 giờ)) x số giờ thực tế thực hiện.

III. Mức hỗ trợ và tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh khi sử dụng dịch vụ cấp cứu ngoại viện

1. Đối với 8 dịch vụ bao gồm: 01 dịch vụ hoạt động thường trực cấp cứu tại các địa điểm tổ chức các sự kiện, hội nghị (khi được yêu cầu) và 07 dịch vụ xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh¹: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% theo mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện tương ứng ban hành tại Nghị quyết này.

2. Đối với 14 dịch vụ² còn lại:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% theo mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện tương ứng ban hành tại Nghị quyết này; tỷ lệ đồng chi trả của người bệnh là 0% đối với các trường hợp:

Trường hợp người bệnh tai nạn, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A;

Trẻ em dưới 6 tuổi (ngoài trường hợp người bệnh tai nạn, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A);

Bệnh nhân tâm thần lang thang (ngoài trường hợp người bệnh tai nạn, thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A).

¹ - Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách < 5km.

- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 5 - < 10km.
- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 10 - < 20km.
- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 20 - < 30km.
- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 30 - < 50km.
- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 50 - < 100km.
- Xe cấp cứu đến hiện trường không đón được người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km.

² - Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách dưới < 5km.

- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 5 - < 10km.
- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 10 - < 20km.
- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 20 - < 30km.
- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 30 - < 50km.
- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 50 - < 100km.
- Cấp cứu, xử trí tại nhà không vận chuyển người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách dưới < 5km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 5 - < 10km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 10 - < 20km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 20 - < 30km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 30 - < 50km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 50 - < 100km.
- Cấp cứu ngoại viện và vận chuyển người bệnh khoảng cách 100 - ≤ 150km.

Hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật nặng, người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa.

b) Đối với người bệnh còn lại ngoài các trường hợp quy định tại mục 1 và điểm a mục 2 phần III Phụ lục này: ngân sách nhà nước hỗ trợ 80%, người bệnh đồng chi trả 20% theo mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện tương ứng ban hành tại Nghị quyết này.

IV. Trường hợp các cơ sở y tế công lập của Nhà nước khác (ngoài Trung tâm cấp cứu 115 Hà Nội) thuộc thành phố Hà Nội quản lý, các cơ sở y tế công lập khác (ngoài các cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý), cơ sở y tế tư nhân đáp ứng đủ yêu cầu chuyên môn về cấp cứu ngoại viện theo quy định thì được áp dụng mức giá dịch vụ cấp cứu ngoại viện tại Nghị quyết này.

V. Cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý; các cơ sở y tế công lập khác (ngoài các cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý), cơ sở y tế tư nhân được thực hiện thanh toán các dịch vụ cấp cứu ngoại viện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phương thức đặt hàng với mức giá quy định tại Nghị quyết này.

VI. Cơ sở y tế công lập của Nhà nước được giao nhiệm vụ điều phối hệ thống cấp cứu ngoại viện được đặt hàng các cơ sở y tế công lập khác (ngoài các cơ sở y tế công lập của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý), cơ sở y tế tư nhân thực hiện dịch vụ cấp cứu ngoại viện với mức giá quy định tại Nghị quyết này.

VII. Phương thức chi trả, hỗ trợ

Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông qua hình thức đặt hàng đối với các cơ sở y tế để thực hiện dịch vụ cấp cứu ngoại viện cho người bệnh theo quy định. Việc thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ để thực hiện dịch vụ cấp cứu ngoại viện cho người bệnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành trên cơ sở số lượng (số chuyển) và danh mục dịch vụ thực tế thực hiện của cơ sở y tế.

VIII. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có)./.

 UV -

Phụ lục IV

QUY ĐỊNH CƠ CHẾ HỖ TRỢ CÔNG TÁC KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ HOẶC KHÁM SÀNG LỌC MIỄN PHÍ MỖI NĂM MỘT LẦN CHO NGƯỜI DÂN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)



I. Đối tượng áp dụng

1. Người dân thường trú hoặc tạm trú từ 12 tháng trở lên, hiện đang sinh sống trên địa bàn thành phố Hà Nội chưa có các quy định hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí mỗi năm một lần.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

II. Nội dung và mức hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng trẻ em dưới 06 tuổi

a) Nội dung khám: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1284/QĐ-BYT ngày 07/5/2026 của Bộ Y tế về Hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 06 tuổi. Đối với học sinh trong trường học thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

b) Mức hỗ trợ: Bằng mức giá khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang) không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cấp có thẩm quyền quy định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Đối tượng từ đủ 06 tuổi đến dưới 18 tuổi

a) Nội dung khám: Khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo mẫu số 2, phụ lục số XXIV, Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế. Đối với học sinh trong trường học thực hiện theo Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

b) Mức hỗ trợ: Bằng mức giá khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang) không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cấp có thẩm quyền quy định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3. Đối tượng từ đủ 18 tuổi trở lên

a) Nội dung khám: Khám đầy đủ các nội dung chuyên khoa lâm sàng theo mẫu số 03, phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế và các xét nghiệm cận lâm sàng theo mẫu số 01, phụ lục số XXIV ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

(Handwritten signatures and initials)

b) Mức hỗ trợ

Khám lâm sàng: Bằng mức giá khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang) không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cấp có thẩm quyền quy định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Các xét nghiệm cận lâm sàng: Bằng mức giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán do cấp có thẩm quyền quy định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

III. Nội dung và mức hỗ trợ khám sàng lọc

1. Nội dung khám: Nội dung khám sàng lọc miễn phí thực hiện theo quy định tại Quyết định số 3756/QĐ-BYT ngày 21/6/2018 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn hoạt động dự phòng, phát hiện sớm, chẩn đoán, điều trị và quản lý một số bệnh không lây nhiễm phổ biến cho tuyến y tế cơ sở, gồm:

Khám sàng lọc Tăng Huyết áp: Khám bệnh, đo huyết áp.

Khám sàng lọc Đái tháo đường tuýp 2: Khám bệnh, Xét nghiệm đường máu mao mạch hoặc Định lượng Glucose [Máu].

Khám sàng lọc Hen phế quản: Khám bệnh, Đo chức năng hô hấp.

Khám sàng lọc Phổi tắc nghẽn mạn tính: Khám bệnh, Đo chức năng hô hấp.

Khám sàng lọc ung thư vú: Khám bệnh, Siêu âm tuyến vú hai bên hoặc Chụp Xquang tuyến vú.

Khám sàng lọc ung thư cổ tử cung: Soi cổ tử cung, làm Nghiệm pháp Acid Acetic (VIA) hoặc xét nghiệm tế bào cổ tử cung (Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou).

Khám sàng lọc Ung thư khoang miệng: Khám bệnh.

Khám sàng lọc Ung thư đại trực tràng: Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân.

Khám sàng lọc Ung thư tiền liệt tuyến: Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu].

Khám sàng lọc Rối loạn trầm cảm: Khám bệnh, Thang đánh giá trầm cảm Beck (BDI).

Khám sàng lọc Rối loạn lo âu: Khám bệnh, Thang đánh giá lo âu - Zung.

Khám sàng lọc rối loạn tâm thần do rượu: Khám bệnh, Thang đánh giá mức độ sử dụng rượu (Audit).

2. Mức hỗ trợ

a) Khám bệnh: Bằng mức giá khám bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán do cấp có thẩm quyền quy định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b) Các xét nghiệm cận lâm sàng: Bằng mức giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán do cấp có thẩm quyền quy định đối

với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

IV. Nội dung và mức chi hỗ trợ các hoạt động tổ chức khám sức khỏe, khám sàng lọc; nhập dữ liệu vào hồ sơ sức khỏe điện tử.

1. Chi tổ chức chiến dịch truyền thông, truyền thông lồng ghép
 - a) Người vận động và tư vấn, lập danh sách người dân đi khám tại hộ gia đình (ngoài chế độ công tác phí hiện hành): 40.000 đồng/người/ngày/50 hộ gia đình.
 - b) Phát thanh viên: 100.000 đồng/người/ngày.
 - c) Chi phí trang trí, ảnh tư liệu và các chi phí hợp lý khác. Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ quyết định các nội dung chi phù hợp. Mức chi theo hợp đồng và chứng từ chi tiêu hợp pháp khác, trong phạm vi dự toán được duyệt.
2. Chi thuê địa điểm, bàn, ghế, phong, bạt (nếu có), thanh toán tiền nhiên liệu, điện, nước, vật tư y tế (chưa được kết cấu trong giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh) phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc: Mức chi theo thực tế phát sinh trên cơ sở hóa đơn và chứng từ chi tiêu hợp pháp.
3. Chi hỗ trợ công tác nhập dữ liệu khám sức khỏe, khám sàng lọc vào hồ sơ sức khỏe điện tử đối với các đối tượng không thuộc đối tượng áp dụng tại mục 1 phần I Phụ lục này, đã được khám nhưng chưa được nhập dữ liệu vào hồ sơ sức khỏe điện tử trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực: Mức chi nhập dữ liệu: 4.500 đồng/phiếu/người dân và không quá 238.500 đồng/ngày/người nhập liệu.

V. Phương thức hỗ trợ

Mỗi năm, người dân sẽ được hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí một lần.

VI. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
2. Ủy ban nhân dân các phường, xã có trách nhiệm đảm bảo kinh phí để quản lý, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn. Trường hợp ngân sách cấp xã không đảm bảo được thì ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã. Ủy ban nhân dân các phường, xã có trách nhiệm rà soát, đề xuất kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố (nếu có) gửi cơ quan tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bố trí kinh phí theo quy định./.





Phụ lục V

QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHÍNH SÁCH THUỘC LĨNH VỰC TRỢ GIÚP XÃ HỘI KHẨN CẤP CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 02 tháng 6 năm 2026
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)

I. Giải thích từ ngữ

1. Đối với quy định trợ giúp xã hội khẩn cấp tại cộng đồng trong Nghị quyết này như sau:

a) *Người bị thương nặng* là người bị thương dẫn đến phải cấp cứu và điều trị tại cơ sở y tế từ 3 ngày trở lên.

b) *Sự kiện bất khả kháng* là sự kiện xảy ra một cách khách quan, không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp và khả năng cần thiết.

c) *Hậu quả nghiêm trọng* do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác là hậu quả có người bị chết hoặc bị thương nặng.

d) *Hậu quả đặc biệt nghiêm trọng* do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc sự kiện bất khả kháng khác là hậu quả nghiêm trọng trong các vụ việc xảy ra trên diện rộng, quy mô lớn, mức độ phức tạp, gây nên những bức xúc, dư luận trong xã hội và có đề xuất của Sở Y tế.

2. Đối với quy định chính sách đặc thù hỗ trợ đột xuất đối với người lao động bị tai nạn lao động trong các vụ tai nạn lao động chết người xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội.

a) *Tai nạn lao động* là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể hoặc gây tử vong cho người lao động, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc, nhiệm vụ lao động.

b) *Tai nạn lao động làm người lao động bị thương nặng* (sau đây gọi tắt là tai nạn lao động nặng) là tai nạn lao động làm người lao động bị ít nhất một trong những chấn thương được quy định tại Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

c) *Vụ tai nạn lao động đặc biệt nghiêm trọng* là vụ tai nạn lao động làm chết từ 02 (hai) người trở lên; hoặc vụ tai nạn lao động khác gây tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội và do Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp chỉ đạo hỗ trợ.

d) *Tai nạn lao động làm chết người lao động* (sau đây gọi tắt là tai nạn lao động chết người) là tai nạn lao động mà người lao động bị chết thuộc một trong các trường hợp sau đây:

Chết tại nơi xảy ra tai nạn.

Chết trên đường đi cấp cứu hoặc trong thời gian cấp cứu.

II. Đối tượng áp dụng, nội dung, mức chi

1. Quy định chính sách hỗ trợ thêm trong trợ giúp xã hội khẩn cấp tại cộng đồng

a) Đối tượng áp dụng

Người bị thương nặng, hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc do các lý do bất khả kháng khác trong các vụ việc khẩn cấp, đặc biệt nghiêm trọng được xem xét hỗ trợ (do Sở Y tế đề xuất).

b) Nội dung, mức chi

Người bị thương nặng, hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc do các lý do bất khả kháng khác trong các vụ việc khẩn cấp, đặc biệt nghiêm trọng được xem xét hỗ trợ (chi phí điều trị người bị thương nặng, hỗ trợ chi phí mai táng) thêm mức bằng 01 lần Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

Đây là chính sách hỗ trợ thêm ngoài chính sách quy định của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ đối với người bị thương nặng, hộ gia đình có người chết, mất tích do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn giao thông hoặc do các lý do bất khả kháng khác nên chỉ xem xét hỗ trợ đối với các vụ việc khẩn cấp, đặc biệt nghiêm trọng (do Sở Y tế đề xuất).

Trình tự xác nhận, cơ chế chi trả và trách nhiệm của các cơ quan liên quan được thực hiện theo thủ tục, quy trình của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội về trợ giúp xã hội khẩn cấp.

2. Quy định chính sách hỗ trợ đột xuất đối với người lao động bị tai nạn lao động xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội

a) Đối tượng áp dụng

Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; người thử việc; người học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động; cán bộ, công chức, viên chức; người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động; cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b) Nội dung, mức chi

Đối với hộ gia đình có người chết do tai nạn lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền với mức bằng 30 (ba mươi) lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động;

Người bị thương nặng do tai nạn lao động (trong cùng vụ tai nạn lao động có người chết) được hỗ trợ một lần bằng tiền với mức bằng 20 (hai mươi) lần mức chuẩn trợ giúp xã hội theo quy định tại thời điểm xảy ra tai nạn lao động;

Đối với các vụ tai nạn lao động có hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, căn cứ vào tình hình thực tế, trên cơ sở đề xuất của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 lần mức quy định nêu trên.

c) Nguyên tắc hỗ trợ

Đối với nội dung hỗ trợ đột xuất đối với người lao động bị tai nạn lao động trong các vụ tai nạn lao động chết người xảy ra trên địa bàn thành phố Hà Nội (không phân biệt nơi cư trú của người lao động bị tai nạn lao động):

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tai nạn lao động có thẩm quyền quyết định hỗ trợ kịp thời theo định mức quy định tại Nghị quyết. Các trường hợp đã được Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ thì UBND cấp xã không hỗ trợ theo chính sách.

Mỗi người chỉ được hỗ trợ một lần cho mỗi vụ việc theo chính sách hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Nghị quyết.

Việc hỗ trợ được thực hiện kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng mức hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết.

Chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết là chính sách an sinh đặc thù của thành phố Hà Nội. Khoản hỗ trợ này không thay thế và không được khấu trừ vào các chế độ, chính sách mà người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc các chế độ bồi thường dân sự khác có liên quan.

3. Quy định thực hiện hỗ trợ tập trung người lang thang trên địa bàn Thành phố

a) Đối tượng áp dụng

Ủy ban nhân dân phường, xã trên địa bàn Thành phố.

Các loại hình cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc được giao nhiệm vụ) trên địa bàn Thành phố

Cơ sở y tế của Thành phố được giao nhiệm vụ thực hiện công tác tiếp nhận, tập trung người lang thang trên địa bàn Thành phố

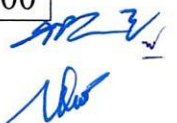
Người lang thang cần được tập trung và bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố (do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quy định đối tượng cụ thể).

b) Nội dung, mức chi

STT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
I	Hỗ trợ công tác tập trung người lang thang do Ủy ban nhân dân phường, xã thực hiện, mức hỗ trợ đối với 01 đối tượng	
	Cán bộ thực hiện kiểm tra, tập trung người lang thang: 3 người x 150.000 đồng/người	450.000
	Lập hồ sơ, biên bản	10.000
	Điện thoại liên lạc	10.000
	Hỗ trợ suất ăn cho đối tượng trong thời gian lưu trú	50.000
	Vệ sinh địa điểm lưu trú	20.000

(Handwritten signatures and marks)

STT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
II	Hỗ trợ công tác tập trung, lập hồ sơ, tiếp nhận bàn giao người lang thang do cơ sở trợ giúp xã hội (hoặc cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc được giao nhiệm vụ) thực hiện, mức hỗ trợ đối với 01 đối tượng	
1	Công tác kiểm tra, tập trung người lang thang: 3 nhân viên x 150.000 đồng/người	450.000
2	Công tác tiếp nhận bàn giao, lập hồ sơ người lang thang	
	Chi hỗ trợ nhân viên tiếp nhận bàn giao, lập hồ sơ người lang thang: 3 người x 120.000 đồng/người	360.000
	Thuốc thông thường	15.000
	Lập biên bản, phiếu lưu, chụp ảnh	30.000
	Tem thư, giấy báo	15.000
	Điện thoại liên lạc	20.000
	Vệ sinh xe chở đối tượng, người lang thang	20.000
3	Chi phí xăng xe đưa đối tượng, người lang thang về cơ sở trợ giúp xã hội mức tối đa	14 lít/lượt vận chuyển (được tính theo giá xăng thực tế và khoảng cách thực tế).
4	Hỗ trợ người lang thang trở về địa phương, nơi cư trú	Theo thực tế giá vé phương tiện vận tải công cộng (đường bộ, đường sắt, đường thủy).
III	Chi tiếp nhận, vận chuyển, hỗ trợ, điều trị cho đối tượng tại các cơ sở y tế, mức hỗ trợ đối với 01 đối tượng	
1	Chi phí vận chuyển bệnh nhân	300.000
2	Chi lập bệnh án	45.000
3	Chi phí điều trị bệnh nhân (trung bình 10 ngày/đợt)	
	Thuốc	825.000
	Dịch truyền	75.000
	Vật tư tiêu hao	225.000
	Tiền ăn cho bệnh nhân	600.000
	Tiền giường bệnh	2.250.000
4	Chi phí liên lạc tìm người thân	30.000



STT	NỘI DUNG	Mức hỗ trợ (đồng/đối tượng)
5	Chi phí khác (đối với trường hợp bệnh nhân tử vong, không tìm được thân nhân trong vòng 24 giờ)	
	- Trung cầu giám định pháp y (thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y đối với từng trường hợp cụ thể)	
	- Mai táng phí (Người lang thang chết tại bệnh viện không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ, áp dụng mức thu thấp nhất theo quy định của Ban phục vụ lễ tang Hà Nội tại thời điểm tử vong).	

c) Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định đơn giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực trợ giúp xã hội và bảo vệ chăm sóc trẻ em trên địa bàn thành phố Hà Nội thì mức chi công tác tập trung người lang thang của cơ sở trợ giúp xã hội được thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

III. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách Nhà nước theo phân cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật (nếu có)./.

